

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NHẬT QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18^{aa}/TB-UBND

Nhật Quang, ngày 21 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết kế hoạch sử dụng đất 2021 của huyện Phù Cừ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Thực hiện Thông báo số 132/UBND-TNMT ngày 18/6/2021 của UBND huyện Phù Cừ về việc công bố kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Cừ;

UBND xã Nhật Quang niêm yết công bố kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Cừ như sau:

Thời gian công khai: Từ ngày 21/6/2021 đến ngày 31/12/2021

Địa điểm công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Nhật Quang và công thông tin điện tử của xã.

Trong thời gian niêm yết thông báo UBND xã Nhật Quang tiếp nhận mọi ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân. Hết thời gian công khai nêu trên, nếu hộ gia đình, cá nhân nào có ý kiến UBND xã sẽ không tiếp nhận, giải quyết./. *ly*

Nơi nhận:

- Đài truyền thanh xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Ân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc kết thúc kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Cừ năm 2021

Hôm nay vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 31 tháng 12 năm 2021 Tại UBND xã Nhật Quang chúng tôi gồm:

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Thế Ân | - Chủ tịch UBND xã – Tổ trưởng |
| 2. Ông Đặng Thành Long | - Công chức Địa chính – Xây dựng |

Nội Dung:

Thực hiện Thông báo số 132/UBND-TNMT ngày 18/6/2021 của UBND huyện Phù Cừ về việc công bố kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Cừ;

UBND xã Nhật Quang niêm yết công bố kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Cừ như sau:

Ủy ban nhân dân xã Nhật Quang niêm yết công khai Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND huyện Phù Cừ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cừ;

Thời gian công khai kể từ ngày 21/6/2021 đến hết ngày 31/12/2021 tại UBND xã Nhật Quang, công thôn tin điện tử của xã và trên hệ thống loa truyền thanh.

Trong thời gian công khai UBND xã Nhật Quang không nhận được ý kiến thắc mắc gì của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào.

Vậy UBND xã Nhật Quang lập biên bản kết thúc công khai phương án để báo cáo UBND huyện Phù Cừ.

Biên bản được lập xong vào hồi 08 giờ 30 phút cùng ngày thông qua các thành viên tham dự cùng nghe điều thống nhất nội dung biên bản ký xác nhận.

Người ghi biên bản





CHỦ TỊCH
NGUYỄN THẾ ÂN



ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ԿՐԹԱԿԱՆԱԿԱՆ ԻՋԱԿԱՆՈՒԹՅԱՆ
ՄԻՆԻՍՏԵՐԱՆ

Số: 132/TB-UBND

Phù Cù, ngày 18 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc công bố công khai
kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phù Cù

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phù Cù;

Ủy ban nhân dân huyện Phù Cù thông báo công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phù Cù, gồm các nội dung sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích tự nhiên là: 9.463,92 ha

Trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 6.388,18 ha
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 3.070,36 ha
- Nhóm đất chưa sử dụng: 5,38 ha

2. Hồ sơ công bố công khai:

2.1. Hồ sơ công bố công khai tại cơ quan huyện, gồm:

- Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phù Cù.
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cù.
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cù.
- Bản vẽ trích lục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cù.

2.2. Hồ sơ công bố công khai tại các xã, thị trấn, gồm:

- Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phù Cù.

- Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch của xã, thị trấn.
- Bản vẽ trích lục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn xã, thị trấn.

3. Địa điểm công khai:

3.1. Cấp huyện:

Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cù nêu tại điểm 2.1 Mục 2 Thông báo này được công khai tại nơi làm việc của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (UBND huyện Phù Cù). Địa chỉ: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

3.2. Cấp xã, thị trấn:

Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 nêu tại điểm 2.2 Mục 2 Thông báo này được công khai tại Trụ sở UBND các xã, thị trấn.

4. Thời gian công khai:

Từ ngày ban hành Thông báo này đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Giao trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn:

5.1. Văn phòng HĐND- UBND huyện:

Công bố công khai toàn bộ tài liệu Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phù Cù lên trang thông tin điện tử của UBND huyện Phù Cù.

5.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện:

- Thực hiện công khai hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cù tại điểm 2.1 Mục 2 và điểm 3.1 Mục 3 Thông báo này.

- Cung cấp các tài liệu, số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cù cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng. Quản lý hồ sơ kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Cù theo quy định.

- Cung cấp các tài liệu, số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cho UBND các xã, thị trấn để thực hiện việc công khai tại các xã, thị trấn. Đôn đốc, kiểm tra UBND các xã, thị trấn thực hiện việc công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

- Giúp UBND huyện kiểm tra, theo dõi, tổng hợp việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cù.

5.3. UBND các xã, thị trấn:

- Công bố công khai hồ sơ kế hoạch sử dụng đất của xã, thị trấn nêu tại điểm 2.2 Mục 2 và điểm 3.2 Mục 3 Thông báo này.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân thuộc địa bàn quản lý về các chỉ tiêu sử dụng đất của xã, thị trấn ghi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cù.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

5.4. Đài Truyền thanh huyện:

Xây dựng chương trình thông tin nội dung Thông báo này trên phương tiện truyền thanh của huyện để các cơ quan, tổ chức và nhân dân biết.

5.5. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện:

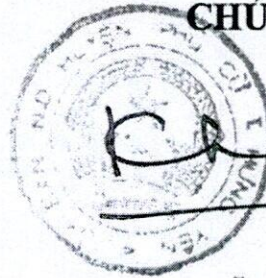
Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cừ đạt hiệu quả.

Trên đây là Thông báo của UBND huyện về công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Phù Cừ để các cơ quan, đơn vị và nhân dân biết, thực hiện đảm bảo đúng theo kế hoạch được duyệt./...*mm*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hưng Yên;
 - Sở TNMT tỉnh;
 - Thường trực Huyện ủy;
 - Thường trực HĐND huyện;
 - Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
 - Đài Truyền thanh huyện;
 - Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
 - UBND các xã, thị trấn;
 - Lãnh đạo VP HĐND- UBND huyện;
 - Lưu: VT, TNMT.
- } (Để báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khả Phúc



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

Số: 1402 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 14 tháng 6 năm 2021

14/6/2021

Sanat

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021
của huyện Phù Cù

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 342/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và phê duyệt các dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2021 huyện Phù Cù,

2020

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cù tại Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 04/6/2021 và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 248/TTr-STNMT ngày 09/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phù Cù với các chỉ tiêu chủ yếu theo các Phụ lục đính kèm như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch theo Phụ lục số 01.
2. Kế hoạch thu hồi đất theo Phụ lục số 02.
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất theo Phụ lục số 03.
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng theo Phụ lục số 04.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Phù Cù có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

3. Xây dựng kế hoạch giải phóng mặt bằng và chỉ đạo UBND các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng;

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện; thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư của các dự án và kiến nghị thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật.

5. Rà soát và kiểm tra hiện trạng các nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất ở; nghiêm túc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về đất đai, đặc biệt đối với hành vi vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn. Chỉ xem xét, quyết định việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất sau khi đã xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về đất đai và chuyển đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở đã được công nhận nhưng chưa được công nhận là đất ở.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Phù Cù; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *KW*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV; TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam
Nguyễn Hùng Nam

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng
Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục số: 01



PHÂN BỐ DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính														Đơn vị tính: ha	
				Định Cao	Đoàn Đào	Mình Hoàng	Mình Tân	Mình Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	T.T. Trần Cao	Tiền Tiến	Tổng Phan	Tổng Trần		
1	Đất nông nghiệp	NNP	6388,18	696,11	657,98	418,85	422,39	430,19	365,60	376,76	443,51	446,06	385,89	271,51	340,16	551,00	582,17		
1.1	Đất trồng lúa	LUC	3836,73	537,47	504,89	321,11	187,57	297,84	132,58	245,36	296,40	287,34	33,97	184,44	150,67	385,55	271,54		
	Trồng lúa nước	LUC	3836,73	537,47	504,89	321,11	187,57	297,84	132,58	245,36	296,40	287,34	33,97	184,44	150,67	385,55	271,54		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNNK	133,02	5,12	0,62	2,75	1,38	0,39	11,72	1,60	0,25	1,30	4,73	1,15	2,35	0,45	99,21		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1619,77	75,23	72,12	45,23	197,47	54,56	158,37	77,22	99,87	97,67	300,92	40,17	142,85	98,06	160,03		
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	738,19	77,87	80,09	48,57	35,97	69,08	41,90	52,58	46,99	56,85	46,27	19,40	44,29	66,94	51,39		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	60,47	0,42	0,26	1,19		8,32	21,03			2,90		26,35					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3070,36	302,55	363,06	153,66	198,05	176,89	244,85	134,52	201,23	246,88	170,51	208,18	121,96	228,31	319,71		
2.1	Đất quốc phòng	QOP	13,07																
2.2	Đất an ninh	CAN	4,48		3,63														
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK												0,85					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	90,10		40,27														
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3,53	0,15															
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	31,33	2,47	1,83	0,09	4,34		0,90		0,36	6,55	5,57	7,02		0,32			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1473,27	166,41	177,23	87,38	78,72	87,45	77,08	75,50	113,80	102,71	93,67	90,88	75,64	120,42	126,38		
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,90					0,48	1,51		0,20			0,01					
2.11	Đất dành làm thắng cảnh	DDL																3,70	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Phân theo đơn vị hành chính														
		Mã địa phương (ha)	Định Cao	Đoàn Đào	Minh Hoàng	Minh Tân	Minh Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	T.T. Trần Cao	Tiền Tiến	Tổng Phan	Tổng Trần
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	ĐRA 8,30	0,28	4,91	0,13	0,60	0,33	0,13	0,06	0,21	0,16	0,32	0,70	0,15	0,28	0,13
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT 869,62	109,71	97,61	57,22	62,73	73,60	91,38	39,73	50,86	72,22	52,54		33,62	65,49	62,91
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT 71,77										71,77		33,62	65,49	62,91
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC 12,47	0,17	1,28	0,25	0,20	0,86	0,19	0,27	0,62	0,58	0,39	4,54	0,82	1,58	0,72
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS 3,94	0,10					0,25	2,14					0,89	0,56	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON 15,69	0,64	1,00	0,62	1,07	0,76	0,53	0,17	0,98	0,20	0,04	5,73	0,84	0,98	2,13
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD 102,91	10,00	12,19	7,16	7,09	7,25	5,91	6,04	7,14	4,25	6,83	5,66	5,03	10,13	8,23
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX 15,99						2,00								13,99
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH														
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV 1,29								0,42	0,01		0,86			
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN 12,74	2,06	1,71	0,77	1,63	0,14	0,58	0,94	0,26	0,83	0,68	0,02	0,29	1,83	1,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON 323,91	10,24	21,38		38,64	5,96	63,83	9,07	26,31	23,23	10,47	6,42	4,57	11,63	92,16
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC 9,96	0,32	0,02	0,04		0,06	0,56	0,60	0,04			0,03	0,11	0,24	7,94
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK														
3	Đất chưa sử dụng	CSD 5,38	0,76					0,30	0,31	0,06		0,42	0,28	0,24	0,28	2,73



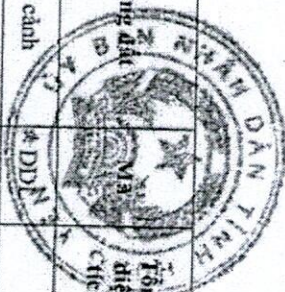
Phụ lục số: 02



KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 10Đ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Đình Cao	Đoàn Đào	Minh Hoàng	Minh Tân	Minh Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	TT. Trần Cao	Tiến Tiến	Tổng Phan	Tổng Trần
1	Đất nông nghiệp	NNP	152,53	9,30	36,35	1,34	5,22	0,50	23,56	1,07	3,09	35,44	3,28	17,91	0,70	7,73	7,04
1.1	Đất trồng lúa	LUA	144,04	9,28	35,98	1,33	4,91	0,50	21,62	1,07	2,28	35,02	0,95	16,84	0,70	7,73	5,83
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	144,04	9,28	35,98	1,33	4,91	0,50	21,62	1,07	2,28	35,02	0,95	16,84	0,70	7,73	5,83
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,43			0,01											0,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5,12		0,37		0,31		1,25		0,31		2,10	0,32			0,46
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NIS	2,75	0,02					0,69		0,50	0,42	0,23	0,29			0,60
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,19											0,19			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	23,08	3,64	6,12	0,23	0,10	0,14	2,63	0,05	0,26	5,39	0,38	2,76		0,51	0,87
2.1	Đất quốc phòng	CQP															
2.2	Đất an ninh	CAN															
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN															
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMĐ															
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	20,79	3,29	6,00	0,10	0,10	0,14	1,38	0,05	0,05	5,39	0,31	2,76		0,43	0,79
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT															



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã địa điểm	Phân theo đơn vị hành chính													
			Đình Cao	Đoàn Đào	Mình Hoàng	Mình Tân	Mình Tiên	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sao Nam	Quang Hưng	Tam Đa	T.T. Trần Cao	Tiên Tiên	Tổng Phan	Tổng Trâm
2.11	Đất dành làm thẳng cánh	ADDN														
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA														
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.02	0.35	0.12	0.13			1.25							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT								0.02			0.07		0.08	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC														
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS														
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON														
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD														
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX														
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH														
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV														
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN														
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON														
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0.27							0.19						
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0.02					0.02						0.08		

Phụ lục số: 03



KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính												Đơn vị tính: ha	
				Đỉnh Cao	Đoàn Đào	Minh Hoàng	Minh Tân	Minh Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	T.T. Trần Cao	Tiền Tiến		Tổng Phan
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	143,03	9,30	36,35	1,34	5,22	0,50	13,90	1,07	3,07	35,44	3,28	17,91	0,70	7,73	7,22
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	134,34	9,28	35,98	1,33	4,91	0,50	11,92	1,07	2,28	35,02	0,95	16,84	0,70	7,73	5,83
	Trong đó: Đất chuyển từ trồng lúa nước	LUC/PNN	134,34	9,28	35,98	1,33	4,91	0,50	11,92	1,07	2,28	35,02	0,95	16,84	0,70	7,73	5,83
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,50			0,01								0,27			0,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	5,16		0,37		0,31		1,29		0,31		2,10	0,32			0,46
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,84	0,02					0,69		0,48	0,42	0,23	0,29			0,71
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,19											0,19			
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		9,72						9,70		0,02						
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,13	0,34	0,34	0,05	0,10	0,14	0,76	0,05	0,19	0,80	0,10	0,25			0,01

Phụ lục số: 04



KẾ HOẠCH ĐUA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Định Cao	Đoàn Đào	Minh Hoàng	Minh Tân	Minh Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	T.T. Trần Cao	Tiên Tiến	Tổng Phan	Tổng Tr
1	Đất nông nghiệp	NNP															
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,02							0,02							
2.1	Đất quốc phòng	CQP															
2.2	Đất an ninh	CAN															
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN															
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD															
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT															
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,02							0,02							

22

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 342/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 22 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và phê duyệt các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha trên địa bàn tỉnh năm 2021 và chấp thuận dự án thu hồi đất tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và phê duyệt các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha trên địa bàn tỉnh năm 2021 và chấp thuận dự án thu hồi đất tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (do thay đổi quy mô, địa điểm); Báo cáo thẩm tra số 680/BC-KTNS ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và phê duyệt các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha trên địa bàn tỉnh năm 2021 cụ thể như sau:

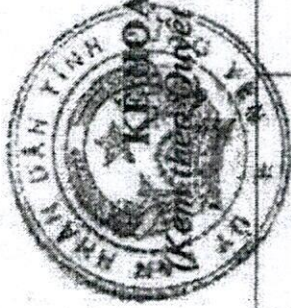
1. Chấp thuận 848 dự án thu hồi đất với diện tích 3.929,52ha. Trong đó: 693 dự án chuyển tiếp từ năm 2020 với diện tích 3.382,24ha; 155 dự án mới năm 2021 với diện tích 547,27ha (Chi tiết tại phụ lục số I kèm theo).

2. Phê duyệt 931 dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha với tổng diện tích đất trồng lúa là 1.884,05ha. Trong đó: 772 dự án chuyển tiếp từ năm 2020 với diện tích 1.578,36ha đất lúa; 159 dự án mới năm 2021 với diện tích 305,69ha đất lúa (Chi tiết tại phụ lục số II kèm theo).

3. Đưa ra khỏi danh mục 50 dự án thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha do 3 năm không triển khai hoặc không thực hiện với tổng diện tích 91,19ha. (Chi tiết tại Phụ lục số III kèm theo).

Điều 2. Chấp thuận dự án thu hồi đất tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở với các nội dung như sau:

Phụ lục số: 04



KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2021
(Kế hoạch được duyệt định số 14/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Phân theo đơn vị hành chính							Tổng diện tích	Đinh Cao	Đoàn Đào	Minh Hoàng	Minh Tân	Minh Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	TT. Trần Cao	Tiền Tiến
1	Đất nông nghiệp	NNP																				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN							0,02							0,02						
2.1	Đất quốc phòng	CQP																				
2.2	Đất an ninh	CAN																				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD																				
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC																				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT																				
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT							0,02							0,02						

1. Chấp thuận việc thay đổi quy mô, địa điểm và số lượng dự án thu hồi đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Văn Giang để cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện Văn Giang làm căn cứ thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, cụ thể: Điều chỉnh giảm 3,44ha chỉ tiêu đất ở nông thôn tại xã Phụng Công và tăng 3,44ha chỉ tiêu đất ở nông thôn tại xã Vĩnh Khúc do điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND huyện Văn Giang từ xã Phụng Công sang xã Vĩnh Khúc.

2. Chấp thuận dự án thu hồi đất tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở với diện tích 44.938m² (vị trí, ranh giới khu đất: phía Bắc giáp đường ĐH.22, phía Nam giáp đường giao thông, phía Đông giáp khu dân cư và đường giao thông, phía Tây giáp khu dân cư và đường giao thông).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Khi tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh cần chỉ đạo kiểm tra, rà soát các dự án, công trình phải đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố. Khi thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho các chủ đầu tư đảm bảo không chồng lấn giữa các dự án trên thực địa, xác định nguồn lực đầu tư, tiến độ sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

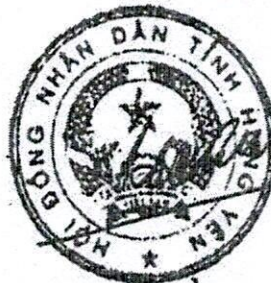
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh kiểm tra, rà soát các danh mục dự án đã thông qua, kịp thời kiến nghị Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh Nghị quyết cho phù hợp đảm bảo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ Mười lăm nhất trí thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ huyện, thị xã, TP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên;

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Sử dụng đất (ha)	(các văn bản về quy hoạch, bố trí vốn...)
26	Đấu giá QSDĐ cho thuê đất thực hiện dự án Khu dịch vụ thể thao, nhà hàng ăn uống	Tân Quang	0,38	Đã có danh mục trong Nghị quyết 244/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 nay thực hiện thu hồi để đấu giá
27	Đấu giá QSDĐ cho thuê đất thực hiện dự án nhà hàng ăn uống, dịch vụ kho bãi và phân phối hàng hóa	Lạc Đạo	1,08	Đã có danh mục trong Nghị quyết 244/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 nay thực hiện thu hồi để đấu giá theo quy định
28	Đấu giá QSDĐ cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư kho chứa hàng và dịch vụ lưu giữ phân phối hàng hóa	Lạc Đạo	0,46	Công văn số 757/UBND -KT2 ngày 04/4/2019 v/v đấu giá quyền sử dụng đất, cho doanh nghiệp thuê đất
29	Đấu giá QSDĐ để cho thuê đất thương mại dịch vụ	Tân Quang	0,80	Đã có danh mục trong Nghị quyết 244/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 nay thực hiện thu hồi để đấu giá theo quy định
30	Đấu giá QSDĐ cho thuê đất thương mại dịch vụ	Tân Quang	0,86	Công văn số 418/UBND-KT2 ngày 04/03/2020 về chủ trương thu hồi đất để đấu giá
31	Đấu giá QSDĐ cho thuê đất nông nghiệp	Minh Hải	4,29	Đã có danh mục trong Nghị quyết 244/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 nay thực hiện thu hồi để đấu giá theo quy định
32	Đấu giá QSDĐ cho thuê đất thực hiện dự án Nhà máy SX gỗ, keo dán gỗ	Minh Hải	1,33	Công văn số 1680/UBND-KT2 ngày 09/7/2020 v/v thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất
33	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Trung Trắc	0,97	Thông báo số 214/TB-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh về chủ trương thu hồi đất
V	HUYỆN PHÙ CỪ			
	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2021</i>		164,18	
1	Cụm công nghiệp Quang Hưng - Trần Cao	TT Trần Cao, Quang Hưng	49,83	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019, số 287/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
2	Mở rộng nhà máy xay xát và chế biến lương thực Thành Vinh	Quang Hưng	0,06	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
3	Cải tạo nâng cấp đường ĐH 82 kéo dài	Minh Hoàng	0,10	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
4	Hệ thống thủy lợi vùng chuyên canh cây nhãn, vải - tỉnh Hưng Yên	Tam Đa	2,10	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
5	Dự án cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mối trạm bơm La Tiến	Nguyễn Hòa, Tam Đa, Tiên Tiến, Nhật Quang, Tống Phan	3,50	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Căn cứ pháp lý (các văn bản về quy hoạch, bố trí vốn...)
6	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê tả sông Luộc kéo dài	Tổng Trấn, Nguyễn Hòa	0,48	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019, số 320/NQ-HĐND ngày 13/10/2020 của HĐND tỉnh
7	Nâng cấp, cải tạo trường cấp 1,2 Trần Cao	Trần Cao	0,29	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
8	Đấu giá QSDĐ để cho thuê đất xây dựng thể dục thể thao	Trần Cao	0,48	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
9	Mở rộng đền La Tiến	Nguyễn Hòa	1,27	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
10	Nghĩa địa Phạm Xá, Phù Oanh	Minh Tiến	0,97	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
11	Khu công viên 14/8 huyện	Trần Cao	0,34	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
12	Nhà văn hóa thôn An Cầu	Tổng Trấn	0,40	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
13	Đấu giá QSDĐ cho thuê đất	Tiên Tiến	0,20	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
14	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (huyện làm chủ đầu tư)	Đình Cao	5,30	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
15	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Kim Phương (xã làm chủ đầu tư)	Minh Tiến	0,58	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
16	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (xã làm chủ đầu tư)	Tổng Trấn	2,28	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
17	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Thọ Lão (xã làm chủ đầu tư)	Quang Hưng	1,45	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
18	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Viên Quang, Quang Xá	Quang Hưng	0,20	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
19	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (huyện làm chủ đầu tư)	Quang Hưng	2,98	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
20	Đấu giá QSDĐ cho dân làm nhà ở (xã làm chủ đầu tư)	Minh Hoàng	0,82	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019, số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
21	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Nguyễn Hòa	0,31	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
22	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (huyện làm chủ đầu tư)	Nguyễn Hòa	4,80	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
23	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Phương Bồ, Ba Đông, Phú Mãn, Trà	Phan Sào Nam	0,67	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Sử dụng đất (ha)	(các văn bản về quy hoạch, bố trí vốn...)
24	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Cự Phú, Tam Đa	Tam Đa	0,10	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
25	Trang trại chăn nuôi trồng cây chất lượng cao	Nguyễn Hòa	9,80	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh; Năm 2021 điều chỉnh tăng diện tích
26	372E8.3 (Phố Cao) – 371 E28.7 (Thành Phố Hưng Yên)	Đoàn Đào, Đình Cao, Minh Tiến, Tống Trân	0,25	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
27	Xây mới đường từ đường nối lên cầu La Tiến (Đường ĐT 386) qua đền Tống Trân giao ĐH 85	Tống Trân	3,40	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019, số 320/NQ-HĐND ngày 13/10/2020 của HĐND tỉnh
28	Xây mới đường giao thông đoạn từ ĐH 80 đến giao cắt với ĐH 85 (qua địa phận Tống Trân)	Tống Trân	1,40	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
29	Xây dựng đường mới từ trạm bơm Duyên Linh trên ĐH.83 đến giao với ĐH.80 tại xã Đình Cao huyện Phù Cù	Đình Cao	2,65	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh; Năm 2021 điều chỉnh tăng diện tích
30	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào đoạn từ QL38B đến cầu GTNT Đoàn Đào	Đoàn Đào	1,55	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
31	Cải tạo, nâng cấp ĐH.82 đoạn từ thôn Quế Lâm, xã Minh Hoàng đến QL38B	Đoàn Đào, Minh Hoàng	0,59	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
32	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đình Cao huyện Phù Cù và xã Cương Chính huyện Tiên Lữ (điểm đầu ngã 5 Đình Cao, điểm cuối giáp ĐH.99)	Đình Cao	2,35	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
33	Tu bổ, tôn tạo DTLS đền Tống Trân, xã Tống Trân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	Tống Trân	2,50	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
34	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Minh Tân	2,83	Nghị quyết 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
35	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Đoàn Đào	0,89	Nghị quyết 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
36	Bãi rác tập trung của huyện	Đoàn Đào	3,00	Nghị quyết 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
37	Đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội trên địa bàn tỉnh Thái Bình với QL38B và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	TT Trần Cao, Minh Tân, Phan Sào Nam	7,48	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019, số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
38	Đường nội huyện kéo dài đến KDC xã Tống Phan	Tống Phan	0,65	Nghị quyết 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Căn cứ pháp lý (các văn bản về quy hoạch, bổ trí vốn...)
39	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Sậy La Tiến (đoạn từ cầu Quán Bầu đến cầu Ông Hy)	Tổng Phan	0,31	Nghị quyết 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
40	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Sậy La Tiến (đoạn từ ĐH.64 cầu Chéo đến ĐT.387 Trạm bơm La Tiến)	Tam Đa, Nguyễn Hòa	1,80	Nghị quyết 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh; năm 2021 bổ sung tăng diện tích
41	Cụm công nghiệp Quán Đò	Đoàn Đào	34,52	Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
42	473-E8.3 (Phố Cao)-373- E28.7 (thành phố Hưng Yên)	Đoàn Đào	0,01	Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
43	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Nhật Quang	0,42	Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
44	Xây dựng khuôn viên bảo tồn cây vải trứng Hưng Yên (cây vải tổ) tại thôn Ba Đông, xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cù	Phan Sào Nam	0,09	Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
45	Khu tái định cư và chợ La Tiến để mở rộng Khu di tích lịch sử cây đa và đền La Tiến xã Nguyễn Hòa và Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	Nguyễn Hòa	7,38	Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
46	Mở rộng trường Tiểu học Phan Sào Nam	Phan Sào Nam	0,1	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020, số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
47	ĐZ 110kV từ TBA 220kV Phố Cao - 110kV Hưng Hà	Đoàn Đào, Minh Hoàng	0,7	Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 13/10/2020 của HĐND tỉnh
	Dự án mới năm 2021		14,81	
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh QL.38B qua địa phận huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ vị trí giáp ranh giữa 2 xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ và xã Đình Cao huyện Phù Cù đến ĐH.80)	Đình Cao	5,50	Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện Phù Cù phê duyệt chủ trương đầu tư
2	Nhà máy xử lý rác thải Phù Cù	Đoàn Đào	4,57	Sở KHĐT đã báo cáo xin chủ trương tiếp nhận dự án số 2033/BC-SKHĐT ngày 20/10/2020; tại cuộc họp giao ban UBND tỉnh đã đồng ý về nguyên tắc tiếp nhận; Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã có báo cáo số 322-BC/BCS ngày 23/10/2020
3	Xây dựng ĐZ và TBA huyện Tiên Lữ và Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	Các Xã: Phan Sào Nam; Đình Cao, Tổng Phan; thị trấn Trần Cao	0,03	Văn bản 2332/PCHY-P8 ngày 18/8/2020 của Điện lực

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Sử dụng đất (ha)	(các văn bản về quy hoạch, bố trí vốn...)
4	Đường vào Nhà máy xử lý rác thải tập trung huyện Phù Cù	Đoàn Đào	0,22	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện Phù Cù Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Phù Cù; Thông báo số 18-TB-HU ngày 23/9/2020 của BTV Huyện ủy về chủ trương tiếp nhận dự án "Nhà máy xử lý rác thải Phù Cù"
5	Xây dựng trường MN Tống Phan	Xã Tống Phan	1,02	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 03/7/2020 của HĐND xã Tống Phan
6	Trường mầm non An Cầu (hạng mục bếp ăn)	Xã Tống Trân	0,06	Quyết định số 3562/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND huyện Phù Cù về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: xây dựng mới nhà bếp ăn trường mầm non Tống Trân (điểm trường thôn An Cầu), xã Tống Trân, huyện Phù Cù
7	Khu dân cư số 6	TT. Trần Cao	3,41	Công văn số 638/UBND-KT2 ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên.
VI	HUYỆN TIỀN LŨ			
	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2021</i>		179,76	
1	Khu nhà ở liền kề để bán, siêu thị, khách sạn và nhà hàng ăn uống	Nhật Tân	1,70	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
2	Đường ĐH.72	Thủ Sỹ, An Viên	8,25	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
3	Đường ĐH.92	Đức Thắng, Trung Dũng, Cương Chính, Minh Phượng	5,31	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
4	Đường tránh ĐH.93	Dị Chế, Nhật Tân, An Viên	3,06	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
5	Đường chi bộ khu Tiên Xá	Vương	0,47	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
6	Đường Vinh Quang thị trấn Vương	Vương	0,85	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
7	Đường nối ĐH 99 (Tiền Lũ) với ĐH 80 (Phù Cù)	Cương Chính	0,95	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
8	Đường phía Tây thị trấn Vương	Dị Chế, Vương	3,30	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh

GÓNG NHÀ

24/11

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	(ha)		Căn cứ pháp lý (các văn bản về quy hoạch, bố trí vốn...)
			Tổng diện tích	Trong đó: Đất lúa	
V	HUYỆN PHÙ CỬ				
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021		78,40	62,84	
1	Mở rộng kho K41	Tổng Phan	5,60	5,12	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
2	Trụ sở công an thị trấn Trần Cao	Trần Cao	0,30	0,30	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
3	Trang trại chăn nuôi - Trồng cây chất lượng cao	Nguyễn Hòa	9,80	9,80	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
4	Cải tạo nâng cấp đường ĐH 82 kéo dài	Minh Hoàng	0,10	0,10	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
5	Dự án cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mỗi trạm bơm La Tiến	Nguyễn Hòa, Tam Đa, Tiên Tiến, Nhật Quang, Tổng Phan	3,50	3,50	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
6	Nghĩa địa Phạm Xá, Phù Oanh	Minh Tiến	0,97	0,97	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
7	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (huyện làm chủ đầu tư)	Đình Cao	4,95	4,61	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
8	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Kim Phương (xã làm chủ đầu tư)	Minh Tiến	0,58	0,44	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
9	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở thôn Thọ Lão (xã làm chủ đầu tư)	Quang Hưng	1,45	0,90	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
10	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (huyện làm chủ đầu tư)	Quang Hưng	2,98	2,51	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
11	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (xã làm chủ đầu tư)	Minh Hoàng	0,82	0,76	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019, số 271/NQ- HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
12	Đầu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở (huyện làm chủ đầu tư)	Nguyễn Hòa	4,80	3,64	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh; Năm 2021 điều chỉnh tăng diện tích
13	372E8.3 (Phố Cao) – 371 E28.7 (Thành Phố Hưng Yên)	Đoàn Đào, Đình Cao, Minh Tiến, Tổng Trần	0,2500	0,2500	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
14	Đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội trên địa bàn tỉnh Thái Bình với QL38B và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	TT Trần Cao, Minh Tân, Phan Sào Nam	7,48	6,54	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019, số 271/NQ- HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
15	Xây mới đường từ đường nối lên cầu La Tiến (Đường ĐT 386) qua đền Tổng Trần giao ĐH 85	Tổng Trần	3,40	1,06	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Nhu cầu sử dụng đất (ha)		Căn cứ pháp lý (các văn bản về quy hoạch, bố trí vốn...)
			Tổng diện tích	Trong đó: Đất lúa	
16	Xây mới đường giao thông đoạn từ ĐH 80 đến giao cắt với ĐH 85 (qua địa phận Tổng Trấn)	Tổng Trấn	1,40	1,00	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
17	Xây dựng đường mới từ trạm bơm Duyên Linh trên ĐH.83 đến giao với ĐH.80 tại xã Đình Cao huyện Phù Cù	Đình Cao	2,65	1,20	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh; Năm 2021 điều chỉnh tăng diện tích
18	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào đoạn từ QL38B đến cầu GTNT Đoàn Đào	Đoàn Đào	1,55	0,40	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
19	Cải tạo, nâng cấp ĐH.82 đoạn từ thôn Quế Lâm, xã Minh Hoàng đến QL38B	Đoàn Đào, Minh Hoàng	0,59	0,24	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
20	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đình Cao huyện Phù Cù và xã Cương Chính huyện Tiên Lữ (điểm đầu ngã 5 Đình Cao, điểm cuối giáp ĐH.99)	Đình Cao	2,35	0,08	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh; năm 2021 điều chỉnh giảm diện tích đất lúa
21	Tu bổ, tôn tạo DTLS đến Tổng Trấn, xã Tổng Trấn, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	Tổng Trấn	2,50	2,24	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh;; năm 2021 điều chỉnh giảm diện tích đất lúa
22	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Tổng Trấn	2,28	1,99	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
23	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Minh Tân	2,83	2,73	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
24	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	Đoàn Đào	0,89	0,55	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
25	Mở rộng trường Tiểu học Phan Sào Nam	Phan Sào Nam	0,1	0,1	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020, số 287/NQ- HĐND của HĐND tỉnh; năm 2021 điều chỉnh tăng diện tích
26	Bãi rác tập trung của huyện	Đoàn Đào	3,00	2,5	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
27	Đường nội huyện kéo dài đến KDC xã Tổng Phan	Tổng Phan	0,65	0,65	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
28	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Sậy La Tiến (đoạn từ cầu Quán Bàu đến cầu ông Hỷ)	Tổng Phan	0,31	0,27	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh
29	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Sậy La Tiến (đoạn từ ĐH.64 cầu Chéo đến ĐT.387 Trạm bơm La Tiến)	Tam Đa, Nguyễn Hòa	1,80	0,50	Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh; năm 2021 điều chỉnh diện tích
30	472-E8.3 (Phố Cao)-481-E28.7 (thành phố Hưng Yên)	Đoàn Đào	0,01	0,01	Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
	473-E8.3 (Phố Cao)-373- E28.7 (thành phố Hưng Yên)	Đoàn Đào	0,01	0,01	Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	(ha)		Căn cứ pháp lý (các văn bản về quy hoạch, bố trí vốn...)
			Tổng diện tích	Trong đó: Đất lúa	
33	Khu tái định cư và chợ La Tiến để mở rộng Khu di tích lịch sử cây đa và đền La Tiến xã Nguyễn Hòa và Đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	Nguyễn Hòa	7,38	6,80	Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh
34	ĐZ 110kV từ TBA 220kV Phổ Cao - 110kV Hưng Hà	Đoàn Đào, Mình Hoàng	0,7	0,7	Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 13/10/2020 của HĐND tỉnh
	Dự án mới năm 2021		14,75	12,55	
1	Khu dân cư số 6	TT. Trần Cao	3,41	3,41	Công văn số 638/UBND-KT2 ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên
2	Xây dựng trường mầm non Tổng Phan	Xã Tổng Phan	1,02	1,02	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 03/7/2020 của HĐND xã Tổng Phan
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh QL.38B qua địa phận huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ vị trí giáp ranh giữa 2 xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ và xã Đinh Cao huyện Phù Cừ đến ĐH.80)	Đinh Cao	5,50	3,30	Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện Phù Cừ phê duyệt chủ trương đầu tư
4	Xây dựng ĐZ và TBA huyện Tiên Lữ và Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Các Xã: Phan Sào Nam; Đinh Cao, Tổng Phan; thị trấn Trần Cao	0,03	0,03	Văn bản 2332/PCHY-P8 ngày 18/8/2020 của Điện lực
5	Nhà máy xử lý rác thải Phù Cừ	Đoàn Đào	4,57	4,57	Báo cáo xin chủ trương tiếp nhận dự án số 2033/BC-SKH&ĐT ngày 20/10/2020 của Sở KH&ĐT; tại cuộc họp giao ban UBND tỉnh đã đồng ý về nguyên tắc tiếp nhận; Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã có Báo cáo số 322- BC/BCS ngày 23/10/2020
6	Đường vào Nhà máy xử lý rác thải tập trung huyện Phù Cừ	Đoàn Đào	0,22	0,22	Nghị Quyết số 121/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện Phù Cừ Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Phù Cừ
VI	HUYỆN TIÊN LỮ				
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021		143,00	116,67	
1	Trụ sở Công an huyện Tiên Lữ	Nhật Tân, Dị Chế	4,00	3,76	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
2	Khu nhà ở liền kề để bán, siêu thị, khách sạn và nhà hàng ăn uống	Nhật Tân	1,70	1,54	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh
3	Đường ĐH.72	Thủ Sỹ, An Viên	8,25	3,10	Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh

